

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2025/HC-PT

Ngày 21 - 3 - 2025

V/v khởi kiện hành vi hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Ông Phạm Đình Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyền, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 510/2024/TLPT-HC ngày 24 tháng 10 năm 2024 về “*Khởi kiện hành vi hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 64/2024/HC-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1712/QĐ-PT ngày 05/3/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Gia T, sinh năm 1946; bà Trần Thị N, sinh năm 1952; ông T có mặt, bà N vắng mặt;

Cùng nơi cư trú: Số G đường L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng (trước là số C L);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Đinh Thị Hồng T1, Luật sư Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt;

*** Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) quận N, thành phố Hải Phòng;

Địa chỉ trụ sở: Lô B Khu đô thị M Sân bay C, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cáp Trọng T2, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê C, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N (theo Giấy uỷ quyền số 10/GUQ-UBND ngày 29/02/2024), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường L, quận N, thành phố Hải Phòng;

Địa chỉ trụ sở: Số B đường L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trung K, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận N, thành phố Hải Phòng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Quốc A, sinh năm 1979, có mặt;

Nơi cư trú: Số G đường L (trước là số C L), phường L, quận N, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày như sau:

Ông Nguyễn Gia T có diện tích đất 79,3m², thửa đất số 55A; địa chỉ: Số G đường L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng đã được cơ quan có thẩm quyền là Ủy ban quận N và Ủy ban phường Lạch Tray xác nhận trên sổ địa chính và bản đồ địa chính của phường L năm 2001. Ông T đã làm đầy đủ nghĩa vụ tài chính của thửa đất số 55A từ năm 1993 đến năm 2023 là 30 năm. Năm 2005, ông T đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xin cấp phép xây dựng và thiết kế xây dựng nhà cấp 4 sang nhà bê tông 3 tầng như hiện nay. Ủy ban quận N cấp phép và duyệt thiết kế xác nhận cấp cho ông T xây dựng với diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là 65,12m², còn lại 14m² chưa được cấp tại giấy chứng nhận do dự kiến nằm trong quy hoạch vỉa hè đường Lạch Tray của thành phố (khi đó là 07m). Tuy nhiên, xét tình hình thực tế thời điểm đó, cấp phép xây dựng và bản thiết kế của Ủy ban quận N vẫn cho phép ông T sử dụng 05m trong số diện tích đất 14m² nằm trong quy hoạch vỉa hè 7m để làm lối vào nhà và chỗ để xe (biên bản của Ủy ban phường L khi ông T xây dựng nhà cũng xác nhận như vậy).

Năm 2002, khi thành phố tiến hành chỉnh trang vỉa hè đường Lạch Tray đã điều chỉnh chiều rộng của vỉa hè là 5m chứ không phải là 7m như quy hoạch năm 2005. Do vậy, toàn bộ phần diện tích khoảng 14m² chưa được cấp trong giấy chứng nhận của ông T hiện nằm ngoài quy hoạch vỉa hè. Ngày 09/8/2022, ông T đã gửi đơn đến Ủy ban phường L xin được điều chỉnh nội dung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (diện tích đã được cấp 65,12m²) theo hướng được cấp thêm 14m² trước đây chưa cấp vào giấy chứng nhận do có quy hoạch vỉa hè, bằng với diện tích 79,3m² thể hiện trên bản đồ địa chính.

Ngày 07/12/2022, sau nhiều lần đi lại thì ông H, Phó Chủ tịch Ủy ban phường L đã xác nhận “Đơn đề nghị sao lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T”, chấp nhận cho ông T được bổ sung phần diện tích đất 14m². Trong danh sách công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại phường L, quận N; cán bộ Ủy ban phường L có ghi nội dung: Nhà ở của gia đình ông T có nguồn gốc sử dụng đất không lấn chiếm, không tranh chấp, không thuộc quản lý của bất kỳ cá nhân, tổ chức cơ quan nào khác, diện tích 79,3m². Quá trình sử dụng nhà đất ở tại số C L được sử dụng từ năm 1975 đến nay ổn định, liên tục không tranh chấp khiếu kiện, không phù hợp với quy hoạch định hướng của quận N nhưng sử dụng đất trước khi có quy hoạch. Ngày 23/03/2023, khi ông T mở cửa trên phần diện tích đã được Ủy ban phường Lạch Tray xác nhận theo Đơn đề nghị ngày 07/12/2022 thì Ủy ban phường L đã cho người đến quây tôn phần diện tích đất này.

Ngày 06/4/2023, Ủy ban phường L làm việc với ông T sau khi nhận được đơn kiến nghị của ông T (có lập biên bản làm việc) thì Chủ tịch Ủy ban phường L đã kết luận 9,58m² đất còn lại của ông T không nằm ở vị trí phía mặt đường L (như xác nhận của Phó chủ tịch Ủy ban phường) mà nằm ở vị trí ngõ G L (cũ là ngõ G L). Đây là điều thiếu căn cứ pháp lý. Cũng tại buổi làm việc này, ông T đề nghị được xem giấy chứng nhận, hoá đơn thuế của hộ gia đình ở liền kề với đất của ông T, giáp mặt đường Lạch Tray nhưng không được Ủy ban phường chấp nhận. Ngày 23/6/2023, tại biên bản làm việc lần thứ hai với Ủy ban phường L (sau khi ông T có đơn khiếu nại đến Ủy ban quận N) thì ông H - Phó Chủ tịch Ủy ban phường Lạch Tray chủ trì vẫn giữ nguyên quan điểm: Phần diện tích đất 9,85m² chưa được cấp giấy chứng nhận nằm ở vị trí ngõ G L.

Vị trí đất của ông T nằm ở vị trí số 22 toạ độ phía mặt đường Lạch Tray, hướng Đông, diện tích 15m². Trong hồ sơ kỹ thuật thửa đất tháng 10 năm 2001 số hiệu thửa đất số 55; tờ bản đồ địa chính LT-10, tờ bản đồ gốc: 309597-7-(8); địa chỉ: Số C L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng, tên chủ sử dụng Nguyễn Gia T, diện tích 79,3m². Biên bản xác định ranh giới, mốc giới, kích thước và diện tích thửa đất theo hiện trạng sử dụng ngày 12/9/2001 và diện tích thửa đất tại thực địa của ông T thể hiện trên: Sơ hoạ mốc thửa đất thể hiện diện tích đất là 79,3m².

Không đồng ý với quan điểm của Ủy ban phường L tại các buổi làm việc, ông T, bà N làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu:

1. Khiếu kiện hành vi của Ủy ban phường L về việc từ chối xác nhận diện tích đất 14m² có vị trí nằm phía mặt đường Lạch Tray là không đúng quy định của pháp luật.

2. Khiếu kiện hành vi của Ủy ban quận N từ chối bổ sung diện tích đất 14m² có vị trí nằm phía mặt đường Lạch Tray vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00415/QSĐĐ/NQ do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 06/12/2005 cho ông T, bà N là không đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng; Ủy ban nhân dân phường L, quận N, thành phố Hải Phòng thống nhất trình bày:

Về nguồn gốc sử dụng đất đối với phần diện tích 14m² ông T đề nghị cấp giấy chứng nhận: Căn cứ hồ sơ sao lục tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh quận N; nội dung xác nhận về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của Ủy ban phường L ngày 15/8/2005 thì nguồn gốc nhà, đất tại địa chỉ số C L như sau:

Ông Nguyễn Gia T ở từ năm 1975 (theo Sổ hộ khẩu chuyển đến ngày 01/01/1975), hiện nhà đất không có giấy tờ gì. Ngoài ra, ông T không cung cấp được các giấy tờ khác liên quan đến nguồn gốc và diện tích sử dụng nhà đất tại địa chỉ 3 L bao gồm diện tích 14m² ông T đề nghị cấp giấy chứng nhận.

Về sự khác nhau giữa diện tích trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCNQSDĐ HO 0415/QSDĐ/NQ do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 06/12/2005 và diện tích theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất phường Lạch Tray lập năm 2001: Căn cứ Bản đồ địa chính phường đo vẽ năm 2001, hiện trạng sử dụng nhà đất của gia đình ông T tại địa chỉ số C L, tại thời điểm kê khai có diện tích 79,3m² thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ LT-10. Căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD339562, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất HO 0415/QSDĐ/NQ do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 06/12/2005, Trích đo địa chính thửa đất phục vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường lập, tại thửa đất số 55, tờ bản đồ LT-10 thì diện tích là 65,12m². Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T và bà N thì còn một phần diện tích khoảng 4,6m² thuộc quy hoạch dự án mở rộng đường L. Việc Ủy ban quận N có tiếp tục cấp thêm diện tích đất 4,6m² vào giấy chứng nhận cho ông T, bà N hay không thì cần phải căn cứ vào giấy tờ về quyền sử dụng đất do ông T cung cấp và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất.

Căn cứ kết quả đo vẽ hiện trạng nhà, đất tại địa chỉ 3 L ngày 28/3/2023, phần diện tích chênh lệch là 14,18m² bao gồm: Một phần diện tích khoảng 5,15m² nằm trong chỉ giới quy hoạch vỉa hè đường L không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần diện tích đất còn lại khoảng 9,03m², hộ ông T sử dụng ra phía ngõ đi chung 72 Lạch Tray theo kết quả đo vẽ hiện trạng sử dụng năm 2001.

Về việc xác nhận diện tích đất 14m² phía mặt đường Lạch Tray sang toạ độ ngõ 72 Lạch Tray đối với ông T:

Ủy ban phường L đã tiến hành làm việc đề nghị hộ ông T có hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất còn lại nằm trong quy hoạch vỉa hè đường L và đồng thời đề nghị hộ ông T cung cấp bổ sung các giấy tờ nguồn gốc đất chứng minh việc sử dụng phần diện tích nằm phía ngõ G L, nhưng ông T không cung cấp được các giấy tờ chứng minh phần diện tích trên.

Với nội dung trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 64/2024/HC-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 347, Điều 348 của Luật Tổ tụng Hành chính;

Căn cứ vào các Điều 100, 101 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 20, điểm c khoản 1 Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ vào Điều 10 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T3 quy định về hồ sơ địa chính;

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Gia T và bà Trần Thị N về việc:

- Tuyên hành vi của Ủy ban phường L về việc từ chối xác nhận diện tích đất 14m² có vị trí nằm phía mặt đường Lạch Tray là không đúng quy định của pháp luật.

- Tuyên hành vi của Ủy ban quận Ngô Q từ chối bổ sung diện tích đất 14m² có vị trí nằm phía mặt đường Lạch Tray vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00415/QSĐĐ/NQ do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 06/12/2005 cho ông T, bà N là không đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn buộc nghĩa vụ chịu án phí, tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/7/2024, phía người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông, bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các đương sự trình bày:

- Phía người khởi kiện trình bày: Cơ bản giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Bản án sơ thẩm giải quyết không đúng quy định của pháp luật; nguồn gốc đất của ông T theo bản án sơ thẩm xác định là chưa rõ ràng; đất của gia đình ông T sử dụng từ năm 1975 đến nay, có giấy tờ chứng minh; việc thẩm định của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng; đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan vụ án để sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Hành vi từ chối xác nhận theo yêu cầu của ông T là vi phạm pháp luật. Vì ông T vẫn nộp thuế với diện tích 79m² từ trước đến nay, trích lục hồ sơ vẫn thể hiện diện tích gia đình ông T sử dụng là 79m². Từ đó UBND quận không công nhận toàn bộ diện tích đất này cho gia đình ông T là trái pháp luật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà N.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông T, bà N là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của phía người khởi kiện.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Nguyễn Gia T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là hành vi của UBND phường L về việc từ chối xác nhận diện tích đất 14,3m² có vị trí nằm phía mặt đường Lạch Tray là đất của ông T, bà N; hành vi của UBND quận N từ chối bổ sung diện tích đất 14,3m² có vị trí nằm phía mặt đường Lạch Tray vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00415/QSĐĐ/NQ do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 06/12/2005 cho ông T, bà N. Ngày 06/4/2023 và ngày 23/6/2023, Ủy ban phường L đã tiến hành làm việc với ông T để giải thích, làm rõ yêu cầu của ông T về việc được bổ sung thêm diện tích vào diện tích đã cấp giấy chứng nhận; ngày 30/11/2023 ông T, bà N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là đang trong thời hạn 01 năm nên đang trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án một số đương sự vắng mặt, nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền, hoặc đã có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

** Về nội dung:*

[3] Xét nguồn gốc thửa đất số 55, tờ bản đồ số LT-10; địa chỉ số C L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng: Theo sổ hộ khẩu chuyển đến ngày 01/01/1975 cũng như ông T trình bày thì gia đình ông Nguyễn Gia T ở từ năm 1975. Tuy nhiên, ông T không cung cấp được các giấy tờ khác liên quan đến

nguồn gốc và diện tích sử dụng đất tại địa chỉ nêu trên (bao gồm cả diện tích 14m² ông T đề nghị cấp giấy chứng nhận). Căn cứ bản đồ địa chính phường đo vẽ năm 2001, hiện trạng sử dụng nhà, đất của gia đình ông T, tại thời điểm kê khai có diện tích là 79,3m² thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ LT-10. Ngày 06/12/2005, Ủy ban quận N đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 339562, số vào sổ cấp HO 0415/QSDĐ/NQ đứng tên người sử dụng đất ông Nguyễn Gia T vợ là bà Trần Thị N được quyền sử dụng diện tích đất 65,12m²; thửa số 55A, tờ bản đồ số LT-10; địa chỉ: Số C ngõ G L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị, tài sản gắn liền với đất: Nhà 01 tầng diện tích xây dựng: 65,12m². Về thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông T được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể: Trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường Ủy ban quận N đã ban hành Thông báo số 173/TB-TNMT ngày 19/8/2005 về ranh giới sử dụng đất gửi các hộ liền kề với thửa đất Ủy ban quận N đang xem xét cấp giấy chứng nhận cho ông T để những người liên quan đến ranh giới sử dụng đất có thắc mắc không, nhưng không có ai có ý kiến gì. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông T cũng không có thắc mắc, khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, gia đình ông T được công nhận quyền sử dụng diện tích 65,12m². Việc này phù hợp với Giấy phép xây dựng số 173/GPXD ngày 19/10/2006 của Ủy ban nhân dân quận N cấp cho ông Nguyễn Gia T, địa điểm xây dựng: Nhà số A ngõ G (số cũ: Số C ngõ G L) được phép xây dựng mới nhà ở 03 tầng có diện tích xây dựng tầng 01 là 65,12m², tổng diện tích nền, sàn các tầng là: 195,36m².

[5] Ngày 07/12/2022, ông T có “Đơn đề nghị sao lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất” gửi Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Chi nhánh quận N Theo đó, ông T trình bày: Ngày 06/12/2005, Ủy ban quận N đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà N diện tích đất 65,12m²; thửa số 55A, tờ bản đồ số LT-10; địa chỉ: Số C ngõ G L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng. Đến năm 2022, khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng C1 đã không lấy vào phần đất quy hoạch vỉa hè của gia đình nên ông T đề nghị được cấp bổ sung diện tích đất 14m² là phần diện tích đất trước đó đã quy hoạch vỉa hè. Tuy nhiên, Ủy ban phường L đã kết luận: Phần diện tích đất hiện trạng của gia đình ông T tại địa chỉ số C L phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông T đã được cấp năm 2005. Phần diện tích 79,3m² gồm: Phần diện tích 65,12m² đã được Ủy ban quận N cấp giấy chứng nhận. Phần diện tích đất 4,6m² nằm trong quy hoạch đường L, hiện đã thi công xong vỉa hè 5m; nếu gia đình ông T có nhu cầu cấp bổ sung vào giấy chứng nhận thì đề nghị gia đình ông T hoàn thiện hồ sơ. Phần diện tích đất 9,58m² không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận vì hộ ông T sử dụng ra ngõ G L (số cũ 74 L). Tại biên bản ngày 23/6/2023 do Ủy ban phường L lập để giải quyết đề nghị của ông T. Theo đó, có nêu: Qua kiểm tra hiện trạng nhà, đất gia đình ông T đang sử dụng thì hiện đang sử dụng diện tích 69,72m², trong đó có diện tích đất 65,12m² đã được cấp giấy chứng nhận; diện tích đất 4,6m² nằm trong chỉ giới quy hoạch

đường Lạch Tray nên không được cấp giấy chứng nhận. Phần diện tích đất $9,58\text{m}^2$ chênh lệch giữa bản đồ địa chính đo vẽ năm 2001 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T nằm ở vị trí ngõ đi chung số 72 L. Ủy ban phường L kết luận: Việc xác nhận tại Đơn xin sao lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T là đảm bảo tính pháp lý. Về việc kê khai đóng thuế đất phi nông nghiệp, Ủy ban phường đã làm rõ diện tích đất gia đình ông T đóng thuế hàng năm là 79m^2 . Đề nghị ông T tiếp tục kê khai lại tờ khai để đóng thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo diện tích đất hiện trạng. Phần diện tích đất chênh lệch khoảng $9,85\text{m}^2$ giữa Bản đồ địa chính đo vẽ năm 2001 so với Giấy chứng nhận đã cấp không được cấp bổ sung vì nằm tại vị trí diện tích đất là ngõ đi chung số 72 L.

[6] Theo yêu cầu của ông T, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/3/2024, khi tiến hành phân tích số liệu đo đạc căn cứ theo bản đồ địa chính lập năm 2001 (do phường quản lý có diện tích $79,3\text{m}^2$) so với diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận thì: Tổng diện tích chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 55 là: $4,7\text{m}^2$ (hiện trạng là cửa hàng điện thoại) + $0,4\text{m}^2$ (hiện trạng là đất trống được quây tôn) + $2,2\text{m}^2$ (hiện trạng đang là khe thoát và giáp thửa đất số 58, 59, 60) + $6,1\text{m}^2$ (hiện trạng đang là ngõ G L) + $1,5\text{m}^2$ (hiện trạng ông Nguyễn Gia T đã xây nhà) = $14,9\text{m}^2$. Ông T, bà N, anh Quốc A, người bị kiện đều xác định kết quả đo đạc nêu trên. Do đó, nay ông T có yêu cầu xem xét thẩm định lại vì cho rằng việc thẩm định, xem xét tại chỗ không khách quan, không đúng quy định của pháp luật, nhưng ông không xuất trình được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không có căn cứ chấp nhận.

[7] Từ những nội dung trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông T không xuất trình được giấy tờ hoặc tài liệu nào chứng minh nguồn gốc thửa đất số 55 tờ bản đồ số LT-10; địa chỉ số C L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng hiện gia đình ông T đang sử dụng thì diện tích sử dụng hợp pháp là bao nhiêu m^2 . Bản đồ địa chính lập năm 2001 và Hồ sơ kỹ thuật thửa đất thể hiện diện tích thửa đất số 55, tờ bản đồ địa chính LT-10 là $79,3\text{m}^2$. Ủy ban phường L và Ủy ban quận N cho biết hai tài liệu này ghi nhận diện tích là diện tích đất hiện trạng tại thời điểm đo đạc mà hộ gia đình ông T đang sử dụng, diện tích đất này chưa được cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai thẩm định. Tại Trích đo địa chính đứng tên người sử dụng đất: Ông Nguyễn Gia T đã xác định diện tích đất cho phép xây dựng công trình là $65,12\text{m}^2$, diện tích của thửa đất là $70,27\text{m}^2$, trong đó diện tích thuộc quy hoạch đường Lạch Tray là $5,15\text{m}^2$ (có vị trí là cửa hàng điện thoại theo ghi chú tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/3/2024). Bên cạnh đó, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cũng xác định rằng diện tích đất hơn 9m^2 (là phần diện tích quây tôn hiện do Ủy ban phường L quản lý) không nằm ở phía Đông giáp vỉa hè đường L mà nằm ở các vị trí như đã nêu trên. Ủy ban phường L đã hướng dẫn ông T làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ để báo cáo Ủy ban quận N xem xét cấp bổ sung nhưng ông T không đồng ý với hướng dẫn của Ủy ban phường L. Như vậy, Ủy ban phường L từ chối xác nhận, và Ủy ban quận N từ chối bổ sung diện tích

đất khoảng 9m² có vị trí nằm phía mặt đường Lạch Tray theo đề nghị của ông T là có cơ sở.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã giải quyết vụ án đảm bảo đúng, đầy đủ quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự, phía người khởi kiện kháng cáo nhưng không có thêm tài liệu gì mới làm căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị, bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Về án phí: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, nhưng ông T, bà N là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí, ông bà đã có đơn xin miễn án phí, nên miễn án phí phúc thẩm cho ông, bà.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Gia T và bà Trần Thị N; giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 64/2024/HC-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Gia T và bà Trần Thị N.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cục THA dân sự thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm